TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **181**/2020/HS-PT
Ngày: 21 - 7 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Xuân Thành**

Các thẩm phán: Ông **Trần Minh Tuấn**

Ông **Nguyễn Cường**

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **Hoàng Hải An** - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa*: Ông **Đặng Thọ Định** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 162/2020/HSPT ngày 06/4/2020. Do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 15/2020/HS-ST ngày 03/3/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- *Bị cáo có kháng cáo:*

TRẦN QUỐC T, sinh năm 1983, tại tỉnh Đắk Lắk. Nơi cư trú: Thôn 18B, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk; Nơi tạm trú: Tổ 13, khối 3, phường E1, thành phố B1, tỉnh Đắk Lắk. Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Photocopy; Con ông Trần Đình Th, sinh năm 1954 và bà Lê Thị Ph, sinh năm 1956; có vợ Phan Thị Thu V, sinh năm 1982; có 02 con (con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2015). Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Quốc T:* Luật sư Nguyễn Khánh L1, Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên Nguyễn Khánh L1 & Cộng sự, Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

Ngoài ra trong vụ án này có các bị cáo Bùi Trường L phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức" và Đỗ Thành

C phạm tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức", nhưng các bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2012, Bùi Văn L công tác tại phòng hậu cần, thuộc Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk, được giao nhiệm vụ Thủ kho xăng dầu; L biết người dân có nhu cầu xin cho con, cháu của họ vào làm việc tại các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk và Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk nên L nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản, bằng cách đưa ra thông tin gian dối là bản thân có quan hệ rộng, có khả năng xin cho người khác vào làm việc tại các đơn vị trực thuộc Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk, làm cho người có nhu cầu xin việc làm nhầm tưởng là thật nên đã giao tiền cho L để xin việc, L chiếm đoạt tiêu xài; Ngoài ra, L còn nhờ Đỗ Thành C và Trần Quốc T, làm giả con dấu, tài liệu của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản; Bằng thủ đoạn gian dối nêu trên, trong thời gian từ năm 2014 đến năm 2016, L đã chiếm đoạt tài sản của nhiều người, cụ thể như sau:

Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản:

Lần thứ nhất: Chiếm đoạt tài sản của ông Nguyễn Xuân D1.

Tháng 01/2014, thông qua anh Lê Đình C1 giới thiệu, ông Nguyễn Xuân D1 gặp L nhờ xin việc cho con gái là Nguyễn Thị Hồng N vào làm việc tại Bệnh xá 48, thuộc Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk với chi phí 260.000.000đ; Sau khi nhận tiền, L làm giả "Quyết định công tác" đề ngày 20/01/2014, có chữ ký ghi tên "Đại tá Nguyễn Ngọc Ánh" và hình con dấu đỏ của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk, cấp cho chị N với nội dung yêu cầu chị N ngày 03/3/2014 có mặt tại Bệnh xá 48 để nhận công tác nhưng đến hạn, L điện thoại cho ông D1 nói dối tạm hoãn việc tiếp nhận chị N; Tháng 6/2014, L tiếp tục làm giả giấy mời, có chữ ký ghi tên "Trung tá Phạm Văn N3" và hình con dấu đỏ Phòng Hậu cần, thuộc Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk cấp cho chị N, với nội dung ngày 22/7/2014, đến Phòng Hậu cần nhận công tác.

Sau khi nhận các giấy tờ nêu trên, ông D1 càng tin tưởng L và tiếp tục nhờ L xin việc cho con trai là Nguyễn Hoài N1 vào làm lái xe Phòng Hậu cần, thuộc Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk với chi phí 270.000.000đ. Sau khi nhận tiền, L làm giả "Giấy mời" và "Quyết định cấp quân trang" cho anh N1 và đưa cho ông D1. Tổng cộng, L chiếm đoạt của ông D1 530.000.000đ.

Lần thứ hai: Chiếm đoạt tài sản của ông Nguyễn Văn H1.

Tháng 9/2014, thông qua anh Lê Đình C1 giới thiệu, ông Nguyễn Văn H1 gặp L, nhờ xin việc làm cho con gái là Nguyễn Thị Duyên H2 vào làm việc tại bộ phận Thanh tra, thuộc Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk với chi phí 300.000.000đ; Từ tháng 9/2014 đến tháng 01/2015, ông H1 đã đưa tiền cho L 05 lần, tổng cộng 300.000.000đ bằng hình thức viết giấy vay tiền, mượn tiền; Đầu năm 2016, biết L không có khả năng xin vào làm việc tại Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk, ông H1 yêu cầu L trả lại tiền nhưng L chỉ trả cho ông H1 75.000.000đ, số tiền còn lại 225.000.000đ L tiêu xài cá nhân.

Lần thứ 3: Chiếm đoạt tài sản của ông Lê Đình Ng.

Tháng 3/2015, thông qua anh Lê Đình C1 và anh Nguyễn Xuân H1 giới thiệu, ông Lê Đình Ng gặp L, nhờ xin việc cho con trai là Lê Đình Th1 vào làm việc tại Bệnh xá 48, thuộc Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk với chi phí 180.000.000đ; Sau khi nhận tiền của ông Ng hai lần, với tổng số 140.000.000đ, L làm giả "Giấy mời" có chữ ký ghi tên "Trung tá Phạm Văn N3" và hình con dấu đỏ Phòng Hậu cần, thuộc Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk với nội dung, ngày 26/8/2015, anh Th1 đến Phòng hậu cần để nhận quyết định công tác và đưa cho ông Ng; Sau khi biết L lừa đảo, ông Ng đã làm đơn tố cáo hành vi phạm tội của L; Do C1 giới thiệu cho L 03 người xin việc làm cho con nêu trên, L hứa sẽ chia cho C1 20.000.000đ/suất và đã đưa cho C1 110.000.000 đồng nhưng C1 chỉ thừa nhận L cho C1 20.000.000đ để chi phí tiền xăng xe và điện thoại. Do cả 03 người xin việc làm nêu trên, chưa có ai xin được việc làm nên L chưa chia tiền hoa hồng 20.000.000đ/suất như đã hứa; Ngày 03/10/2017, C1 giao nộp cho cơ quan điều tra 20.000.000đ đã nhận của L.

Lần thứ 4: Chiếm đoạt tài sản của ông Đinh Văn H2.

Tháng 4/2015, thông qua anh Phạm Quang Th1 giới thiệu, ông Đinh Văn H2 gặp L nhờ xin cho con trai là Đinh Văn P vào làm việc tại Phòng Hậu cần, thuộc Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk, với chi phí 180.000.000đ; Ngày 04/5/2015, ông H2 giao cho L 180.000.000đ, L viết giấy biên nhận bằng hình thức vay tiền và hẹn ngày 08/8/2015, anh P sẽ có quyết định đi làm việc nhưng đến hạn, L đưa ra nhiều lý do để trì hoãn; Đầu năm 2016, ông H2 biết L lừa đảo nên yêu cầu L trả lại tiền; L chỉ trả lại cho ông H2 10.000.000đ; Số tiền còn lại 170.000.000đ, L chiếm đoạt tiêu xài.

Lần thứ 5: Chiếm đoạt tài sản của ông Lê Công D1.

Tháng 6/2015, thông qua ông Phạm Quang M và ông Võ Hữu H3giới thiệu, ông Lê Công D1 gặp L nhờ xin cho con trai là Lê Công L1 vào làm việc

tại Bệnh xá 48, thuộc Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk với chi phí 150.000.000đ; Sau khi nhận tiền, L làm giả "Giấy mời", "Quyết định cấp quân trang" và bản "Thực hiện kế hoạch cấp quân trang" cho anh L1 và đưa cho ông D1; Tháng 3/2016, biết L lừa đảo, ông D1 đã làm đơn tố cáo hành vi phạm tội của L; Sau đó, L đã trả lại cho ông D1 150.000.000đ, ông D1 rút đơn tố cáo.

Lần thứ 6: Chiếm đoạt tài sản của bà Nguyễn Thị T1.

Tháng 8/2015, thông qua ông Đinh Tấn L2 và ông Phạm Quang M giới thiệu, bà Nguyễn Thị T1 gặp L xin việc cho con gái là Đoàn Thị Thu H4 vào làm Kế toán tại Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk, với chi phí 200.000.000đ, với thoả thuận đưa trước 100.000.000đ, khi nào có quyết định tuyển dụng sẽ đưa số tiền còn lại; Ngày 29/8/2015, bà T1 đưa cho ông M 100.000.000đ, để ông M đưa lại cho L; Ông M viết giấy nhận tiền bằng hình thức giấy vay tiền; Sau đó, L làm giả "Giấy mời" ghi ngày 22/01/2016, có chữ ký ghi tên "Trung tá Phạm Văn N3" và hình con dấu đỏ của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk, với nội dung mời chị H4 đến hội trường Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk; L đưa giấy mời cho ông M; Ông M đưa giấy mời cho bà T1 và yêu cầu bà T1 đưa số tiền còn lại; Ngày 26/01/2016, bà T1 đưa cho ông M 100.000.000đ còn lại, để ông M giao lại cho L; Ông M viết giấy nhận tiền bằng hình thức vay tiền; L tiếp tục làm giả "Quyết định cấp quân trang" ghi ngày 17/02/2016 và "Thực hiện kế hoạch cấp quân tư trang" ghi ngày 26/02/2016, có chữ ký ghi tên "Trung tá Phạm Văn N3" và hình con dấu đỏ của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk, với nội dung Ban quân nhu cấp quân trang cho chị H4 trước ngày 28/02/2016 và chị H4 đến nhận quân vào ngày 01/3/2016; Sau khi biết bị lừa, bà T1 viết đơn tố cáo L và ông M nhưng sau đó bà T1 rút đơn tố cáo.

Lần thứ 7: Chiếm đoạt tài sản của bà Đinh Thị L3.

Tháng 9/2015, thông qua Võ Hữu H3và Nguyễn Văn Long giới thiệu, bà Đinh Thị L3 gặp L nhờ xin việc làm cho con gái là Trần Thị Hoa P1 vào làm việc tại Bệnh xá 48, thuộc Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk với chi phí 180.000.000đ; Ngày 16/9/2015, bà L3 đưa cho ông H380.000.000đ, để ông H3đưa lại cho L; Sau khi nhận tiền, L làm giả "Giấy mời" ghi ngày 22/01/2016, có chữ ký ghi tên "Trung tá Phạm Văn N3" và hình con dấu đỏ của Phòng Hậu cần, thuộc Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk với nội dung mời chị P1 đến Bệnh xá 48 nhận công tác vào ngày 16/02/2016; L nhờ ông Phạm Quang M đưa giấy mời cho bà L3 và nhận số tiền còn lại 100.000.000đ; Sau khi biết bị lừa đảo, bà L3 yêu cầu L trả lại tiền; Ngày 04/3/2016 và ngày 27/3/2016, L viết giấy cam

kết trả lại cho bà L3 180.000.000đ đã nhận nhưng sau đó không trả, nên bà L3 đã làm đơn tố cáo hành vi lừa đảo của L.

Lần thứ 8: Chiếm đoạt tài sản của ông Y P Niê.

Tháng 12/2015, ông Y P gặp L nhờ xin việc làm cho cháu gái là H'T Niê vào làm việc tại Bệnh xá 48, thuộc Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk với chi phí 80.000.000đ; Ông Y P đã đưa cho L hai lần, mỗi lần 40.000.000đ; Ngày 28/12/2015, ông Y P yêu cầu L ký vào giấy nhận tiền nhưng ghi nhầm số tiền 120.000.000đ; Sau khi nhận tiền, L làm giả "Giấy mời" chị H'T có chữ ký ghi tên "Trung tá Phạm Văn N3" và hình con dấu đỏ của Phòng Hậu cần, thuộc Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk; "Quyết định tuyển dụng" H'T, có chữ ký ghi tên "Đại tá Trương Hồng Q1" và hình con dấu đỏ của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk, đưa cho ông Y P; Sau khi biết L lừa đảo, ông Y P đòi lại tiền; L trả lại cho ông Y P 40.000.000đ, số tiền còn lại 40.000.000đ L chiếm đoạt tiêu xài.

Lần thứ 9: Chiếm đoạt tài sản của ông Nguyễn Đình T2.

Tháng 11/2015, thông qua Y P Niê và ông Y N H Wing giới thiệu, ông Nguyễn Đình T2 gặp L nhờ xin việc làm cho con rể là Phan Thanh Đ1, vào làm lái xe tại Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk với chi phí 80.000.000đ; Hai bên thoả thuận ông T2 đưa trước 40.000.000đ, khi nào xin được việc làm sẽ đưa số tiền còn lại; Từ ngày 21/11/2015 đến tháng 12/2015, ông T2 đưa tiền cho L hai lần, tổng cộng 40.000.000đ; Sau khi biết L lừa đảo, ông T2 đã làm đơn tố cáo hành vi phạm tội của L.

Lần thứ 10: Chiếm đoạt tài sản của ông Võ Văn T3.

Tháng 6/2015, ông Nguyễn Công M (đã chết) và bà Nguyễn Thị H5, biết ông Võ Văn T3 có nhu cầu xin việc làm cho con gái là Võ Thị Thanh N2, nên đã nhờ L xin việc làm cho chị N2; L đồng ý xin cho chị N2 vào làm việc tại Bệnh xá 48, thuộc Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk với chi phí 100.000.000đ, còn ông M muốn nhận tiền của ông T3 bao nhiêu thì tuỳ ý; Ông T3 và bà H5 bàn bạc với nhau nâng chi phí lên 140.000.000đ để hai người chia nhau 40.000.000đ; Bà H5 trao đổi với ông T3 về chi phí xin việc cho chị N2 140.000.000đ, ông T3 đồng ý; Ngày 21/7/2015 và ngày 31/10/2015, ông T3 đưa tiền cho bà H5 02 lần, với tổng số tiền 30.000.000đ; Bà H5 viết giấy nhận tiền bằng hợp đồng vay tiền; Sau khi nhận tiền của ông T3, bà H5 đưa lại cho ông M 10.000.000đ, để ông M đưa cho L. Ngày 05/11/2015 và ngày 13/11/2015, ông T3 đưa tiền cho ông M 02 lần, với tổng số tiền 30.000.000đ; Ông M viết giấy nhận tiền dưới hình thức giấy vay tiền; Ngày 21/11/2015, ông M giao

40.000.000đ cho L; L viết giấy nhận tiền và cam kết đến ngày 03/12/2015, sẽ xin việc làm cho chị N2; Ngày 19/12/2015, ông T3 gặp L, L yêu cầu ông T3 đưa thêm 60.000.000đ; Ông T3 đã đưa cho L 55.000.000đ; Tổng cộng L đã nhận 95.000.000đ để xin việc làm cho chị N2; Sau khi nhận tiền, L làm giả "Giấy mời" có chữ ký ghi tên "Trung tá Phạm Văn N3" và hình con dấu đỏ của Phòng Hậu cần, thuộc Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk, với nội dung mời chị N2 đến Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk vào ngày 06/01/2016 để nhận công tác và đưa giấy mời cho ông T3; Đúng hẹn, ông T3 đưa chị N2 đến Bộ chỉ quân sự tỉnh Đắk Lắk và phát hiện L lừa đảo, nên đã làm đơn tố cáo hành vi của L; Sau khi vụ án được phát hiện, bà H5 đã trả cho ông T3 17.000.000đ, ông M đã trả cho ông T3 3.000.000đ.

Chiếm đoạt tài sản của bà Nguyễn Thị Đ2.

Thông qua ông Phạm Quang M giới thiệu, bà Nguyễn Thị Đ2 gặp L nhờ xin việc làm cho nhiều người là con của bạn bà Đ2, cụ thể như sau:

Lần thứ 11: Tháng 8/2015, bà Đ2 nhờ L xin việc làm cho con gái bà Lê Thị Đ3 là chị Vũ Thị Ngọc Q vào làm việc tại Bệnh xá 48, thuộc Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk với chi phí 120.000.000đ; Bà Đ3 đã đưa tiền cho bà Đ2 02 lần, tổng cộng 55.000.000đ; Sau khi nhận tiền, bà Đ2 đưa cho L 50.000.000đ để xin việc cho chị Q; Đầu năm 2016, bà Đ2 nói với bà Đ3 đã có quyết định tuyển dụng chị Q cùng với nhiều người, bà Đ3 nghi ngờ nên rút lại yêu cầu xin việc cho chị Q và yêu cầu bà Đ2 trả lại tiền; Bà Đ2 yêu cầu L trả lại tiền nhưng L không trả; Bà Đ2 đã trả cho bà Đ3 30.000.000đ, còn nợ 25.000.000đ.

Lần thứ 12: Tháng 02/2016, bà Đ2 nhờ L xin việc làm cho con gái bà Tống Thị S là chị Trần Thị Hải Y vào làm việc tại Bệnh xá 48, thuộc Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk với chi phí 200.000.000đ; bà Đ2 nói lại với bà S với chi phí 250.000.000đ, bà S đồng ý và đưa tiền cho bà Đ2 02 lần, tổng cộng 188.000.000đ, số tiền còn lại khi nào xin được việc sẽ đưa; Sau khi nhận tiền bà S, bà Đ2 lấy thêm tiền của mình 12.000.000đ và đưa cho L 200.000.000đ để xin việc cho chị Y; Sau khi nhận tiền, L làm giả Quyết định tuyển dụng chị Y; Quyết định nâng bậc lương, hưởng phụ cấp quân nhân cho chị Y, có chữ ký ghi tên "Đại tá Trương Hồng Q1" và hình con dấu đỏ của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk, đưa cho bà Đ2; bà Đ2 đưa các giấy tờ giả này cho bà S; Sau khi bà Đ2 biết L lừa đảo và yêu cầu trả lại tiền nhưng L không trả.

Lần thứ13: Đầu năm 2016, bà Đ2 gặp L nhờ xin việc cho anh Bùi Tiến M1 vào làm lái xe tại Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk với chi phí

250.000.000đ; Bà Đ2 và anh M1 thoả thuận khi nào xin được việc, thì anh M1 chi trả tiền cho bà Đ2; Trong thời gian từ tháng 02/2016 đến tháng 4/2016, bà Đ2 đưa tiền cho L nhiều lần, tổng cộng 212.000.000đ; Sau khi biết L lừa đảo, bà Đ2 yêu cầu L trả lại tiền nhưng L không trả.

Lần thứ14: Tháng 3/2016, bà Đ2 nhờ L xin việc cho con gái ông Nguyễn Đ4 là chị Nguyễn Thị Thanh X1 vào làm việc tại Phòng Hậu cần, thuộc Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk với chi phí 250.000.000đ; Ông Đ4 đưa tiền cho bà Đ2 02 lần, tổng cộng 100.000.000đ; Bà Đ2 đưa lại số tiền nêu trên cho L; Sau khi nhận tiền, L làm giả Quyết định tuyển dụng chị X1 ghi ngày 04/4/2016, có chữ ký ghi tên "Đại tá Trương Hồng Q1"; Quyết định tiếp nhận và điều động chị X1 đến nhận công tác tại Phòng Hậu cần, ghi ngày 23/3/2016, có chữ ký ghi tên "Trung tá Phạm Văn N3"; Giấy mời chị X1 đến phòng Hậu cần nhận công tác, có chữ ký ghi tên "Trung tá Phạm Văn N3" và hình con dấu đỏ của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk; L đưa các giấy tờ giả này cho bà Đ2 đưa lại cho ông Đ4; Sau khi biết L lừa đảo, bà Đ2 yêu cầu L trả lại tiền nhưng L không trả.

Lần thứ 15: Tháng 3/2016, L đưa thông tin gian dối với bà Đ2 là có 02 suất xin việc làm tại Phòng Hậu cần, thuộc Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk, với chi phí mỗi suất xin việc làm là 250.000.000đ; Bà Đ2 nói lại thông tin trên cho anh Lê Trung K là hàng xóm của bà Đ2; anh K nhờ bà Đ2 xin việc làm cho mình và xin việc cho người em kết nghĩa là Nguyễn Tuấn D2; anh K và D2 thoả thuận, anh K sẽ chi phí tiền xin việc cho D2; Khi nào xin được việc làm, anh D2 thanh toán lại cho K; Trong tháng 4/2016, anh K đưa tiền cho bà Đ2 nhiều lần, tổng cộng 171.000.000đ; Bà Đ2 đưa số tiền nêu trên cho L; Sau khi nhận tiền, L làm giả Quyết định tuyển dụng anh Lê Trung K và anh Nguyễn Tuấn D2; Quyết định nâng bậc lương cho anh K, có chữ ký ghi tên "Đại tá Trương Hồng Q1" và hình con dấu đỏ của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk; L đưa các giấy tờ giả nêu trên cho bà Đ2, để bà Đ2 đưa lại cho anh K và anh D2; Sau khi biết L lừa đảo, bà Đ2 yêu cầu trả lại tiền nhưng L không trả.

Lần thứ 16: Bà Nguyễn Thị L2 là bạn thân của bà Đ2, bà Đ2 có mượn bà L2 100.000.000đ; Tháng 3/2016, bà Đ2 nhờ L xin việc làm cho con gái bà L2 là chị Phùng Thị Toàn H6 vào làm việc tại bệnh xá 48, thuộc Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk với chi phí 250.000.000đ; bà Đ2 và bà L2 thoả thuận, bà Đ2 sẽ chi toàn bộ chi phí xin việc cho chị H6, khi nào xin được việc bà L2 sẽ thanh toán cho bà Đ2; Bà Đ2 đưa cho L 100.000.000đ để xin việc cho chị H6; Sau khi nhận tiền, L làm giả quyết định tuyển dụng và Quyết định nâng bậc lương chị H6; L

đưa 02 quyết định nêu trên cho bà Đ2, để bà Đ2 đưa cho chị H6; Bà L2 tìm hiểu và biết hai quyết định nêu trên là giả; Bà Đ2 yêu cầu L trả lại tiền nhưng L không trả.

Tổng cộng, Bùi Trương L đã chiếm đoạt của bà Đ2 833.000.000đ.

Lần thứ 17: Chiếm đoạt tài sản của bà Nguyễn Thị D3.

Đầu tháng 9/2015, thông qua anh Lê Thành T4 và anh Hoàng Văn N1 giới thiệu, bà Nguyễn Thị D3 gặp L nhờ xin việc làm cho con trai là Phạm Minh Tú dạy học tại trường quân sự địa phương tỉnh Đắk Lắk, với chi phí 120.000.000đ; Ngày 05/9/2015, bà D3 đưa cho L 60.000.000đ; Ngày 10/10/2015, bà D3 đưa tiếp cho L 40.000.000đ; L viết giấy nhận tiền bằng giấy vay tiền; Sau khi nhận tiền, L chiếm đoạt tiêu xài.

Tổng cộng L chiếm đoạt tài sản của 12 người là **2.828.000.000đ**.

Hành vi làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức của Bùi Trường L, Đỗ Thành C và Trần Quốc T.

Để làm giả Giấy mời, Quyết định tuyển dụng quân nhân, Quyết định cấp quân trang, nhằm thực hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của những người bị hại trong vụ án, L lấy một văn bản có chữ ký và con dấu đỏ của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk, mang đến cửa hàng Photocopy của Trần Quốc T tại số nhà 560 đường L4, thành phố B1, nhờ T scan màu, rồi dùng kỹ thuật vi tính xoá chữ ký, cắt phần hình ảnh con dấu của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk lưu thành một file riêng. Sau đó, L lấy thông tin trong hồ sơ xin việc làm của người bị hại, soạn thảo Giấy mời, Quyết định tuyển dụng quân nhân, Quyết định cấp quân trang, rồi nhờ T chỉnh sửa thể thức văn bản, chèn hình ảnh con dấu của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk bên dưới văn bản, rồi in màu thành các giấy tờ giả để đưa cho người bị hại; Trong thời gian từ năm 2014 đến năm 2015, T đã làm giúp các tài liệu giả nêu trên cho L khoảng 5 lần, mỗi lần vài tờ; Mỗi lần làm giả tài liệu,L đưa cho T từ 500.000đ đến 1.000.000đ bao gồm chí phí in ấn và bồi dưỡng.

Đầu năm 2016, do T không đồng ý tiếp tục giúp L làm giả các giấy tờ nêu trên, L đến cửa hàng Photocopy của Đỗ Thành C, tại số 01 đường N4, thành phố B1 để làm giả các tài liệu; L đưa cho C USB có chứa File Giấy mời, Quyết định tuyển dụng quân nhân, Quyết định cấp quân trang, đã soạn sẵn và File hình con dấu của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk, nhờ C sửa thể thức văn bản, chèn hình ảnh con dấu của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk bên dưới, rồi in màu thành các giấy tờ giả để đưa cho người bị hại; Trong năm 2016, L nhờ C làm giả

các giấy tờ nêu trên khoảng 5 đến 6 lần; số L2 L không nhớ; Mỗi lần L trả cho C từ 500.000đ đến 1.000.000đ.

Quá trình điều tra, Trần Quốc T và Đỗ Thành C thừa nhận đã giúp L làm giả các giấy tờ nêu trên nhưng không biết L sử dụng vì mục đích gì; Do thấy L mặc quân phục, mang quân hàm Trung uý nên đã giúp L; Mỗi lần làm giả cho L các giấy tờ nêu trên, L trả chi phí từ 30.000đ đến 40.000đ.

Bản kết luận giám định số: 363/PC54 ngày 08/6/2016 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận:

1. Chữ ký đứng tên Trung tá Phạm Văn N3 trong các tài liệu do người bị hại giao nộp so với mẫu chữ ký đứng tên Trung tá Phạm Văn N3, không phải do cùng một người ký ra.

2. Hình con dấu tròn có nội dung "Bộ C.H.Q.S TỈNH ĐẮK LẮK★PHÒNG HẬU CẦN" trong các tài liệu do người bị hại giao nộp so với con dấu tròn của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk, không phải do cùng một con dấu đóng ra.

3. Chữ ký đứng tên Trung tá Phạm Văn N3 và hình con dấu tròn có nội dung "Bộ C.H.Q.S TỈNH ĐẮK LẮK ★ PHÒNG HẬU CẦN" trong các tài liệu do người bị hại giao nộp, được tạo ra bằng phương pháp in màu.

Bản kết luận giám định số: 571/PC54 ngày 12/10/2016 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Chữ ký, chữ viết đứng tên Bùi Trường L trong giấy mượn tiền, giấy hẹn trả tiền, giấy vay tiền, giấy cam kết do người bị hại giao nộp, so với chữ ký, chữ viết của Bùi Trường L, là do cùng một người ký và viết ra.

Bản kết luận giám định số: 606/PC54 ngày 20/10/2016 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận:

1. Hình con dấu tròn có nội dung "QUÂN KHU 5★BỘ C.H.Q.S TỈNH ĐẮK LẮK" trong các tài liệu do người bị hại giao nộp, so với mẫu hình con dấu của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk, không phải do cùng một con dấu đóng ra.

2. Chữ ký mang tên Trương Hồng Q1 trong các tài liệu do người bị hại giao nộp, so với mẫu chữ ký của Đại tá Trương Hồng Q1, không phải do cùng một người ký ra.

Với nội dung nêu trên tại bản án hình sự sơ thẩm số: 15/2020/HS-ST ngày 03/3/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Bùi Trường L phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức"; Các bị cáo Trần Quốc T và

Đỗ Thành C phạm tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức".

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999.

Xử phạt: Bùi Trường L 15 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

- Áp dụng khoản 3 Điều 267; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999.

Xử phạt: Bùi Trường L 04 năm tù về tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức".

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 50 BLHS năm 1999. Tổng hợp hình phạt 02 tội, buộc Bùi Trường L phải chấp hành hình phạt chung là 19 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam 19/3/2017.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 267; điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999.

Xử phạt: Trần Quốc T 02 năm 06 tháng tù về tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức", thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 267; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999; Khoản 1 và khoản 2 Điều 65 BLHS năm 2015.

Xử phạt: Đỗ Thành C 02 năm tù cho hưởng án treo về tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức", thời gian thử tháchlà 04 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.Giao bị cáo cho Uỷ ban nhân dân xã Q2, huyện C2 là nơi bị cáo trú để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách; Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo định của pháp luật về Thi hành án hình sự.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí, về trách nhiệm dân sự và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 07 tháng 3 năm 2020 bị cáo Trần Quốc T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, Bị cáo Trần Quốc T vẫn giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo, cho bị cáo được hưởng án treo theo quy định tại Điều 60 BLHS năm 1999.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời khai nhận của bị cáo, ý kiến người bào chữa và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét đánh giá khách quan toàn diện và đầy đủ chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Do động cơ vụ lợi, Bùi Trường L lợi dụng đang công tác tại Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk, để đưa ra thông tin gian dối là có khả năng xin cho người khác vào làm việc tại các đơn vị trực thuộc Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk, làm cho nhiều người nhầm tưởng là thật, nên đã đưa tiền cho L để xin việc làm; Sau khi nhận tiền của người xin việc, L đã thuê Trần Quốc T và Đỗ Thành C là thợ dịch vụ photo, dùng kỹ thuật vi tính và in màu, làm giả con dấu tròn của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk bằng kỹ thuật Scan màu, rồi chèn con dấu giả của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk vào Giấy mời, Quyết định tuyển dụng quân nhân, Quyết định cấp quân trang cho quân nhân, rồi đưa các giấy tờ làm giả cho người xin việc. Bằng thủ đoạn gian dối nêu trên, trong thời gian từ năm 2014 đến năm 2016, Bùi Trường L đã chiếm đoạt của ông Nguyễn Xuân D1 530.000.000đ, ông Nguyễn Xuân H1 300.000.000đ, ông Lê Đình Ng 140.000.000đ, ông Đinh Văn H2 180.000.000đ, ông Lê Công D1 150.000.000đ, bà Lê Thị T1 200.000.000đ, bà Đinh Thị L3 180.000.000đ, ông Y P Niê 80.000.000đ, ông Nguyễn Đình T2 40.000.000đ, ông Võ Văn T3 95.000.000đ, bà Nguyễn Thị Đ2 833.000.000đ, bà Nguyễn Thị D3 100.000.000đ; tổng cộng 2.828.000.000đ.

Với hành vi nêu trên các bị cáo Bùi Trường L bị tòa án cấp sơ thẩm xử phạt về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức"; theo điểm a khoản 4 Điều 139 và khoản 3 Điều 267 Bộ luật hình sự năm 1999. Các bị cáo Trần Quốc T và Đỗ Thành C bị xử phạt về tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức", theo điểm b khoản 2 Điều 267 BLHS là có căn cứ đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo của bị cáo Trần Quốc T; Hội đồng xét xử xét thấy, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật quản lý hành chính trong việc quản lý con dấu và tài liệu,của cơ quan tổ chức nhà nước.

Bản án sơ thẩm đã xem xét đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội

của bị cáo, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt bị cáo mức án 02 năm 06 tháng tù là phù hợp.

Xét đơn kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo, thấy: Trong vụ án này bị cáo là người làm dịch vụ pho to in ấn, khi được bị cáo L ra tiệm thuê bị cáo làm thì bị cáo có thực hiện việc pho to màu con dấu của cơ quan đơn vị. Tuy nhiên vì sự hiểu biết quy định về in, pho tô màu của bị cáo có hạn chế, đồng thời do tin tưởng bị cáo L khi đến tiệm thuê bị cáo làm thì mặc trang phục, đeo quân hàm bộ đội và nói bị cáo cứ làm vì không ảnh hưởng gì, sau đó khi biết việc làm của mình là không đúng nên bị cáo dừng lại không làm cho L nữa, chính vì vậy sau này L thuê bị cáo C làm. Như vậy có thể coi bị cáo phạm tội với vai trò thứ yếu. Hiện nay gia đình bị cáo khó khăn, lại là lao động chính trong gia đình (có xác nhận của địa phương), bị cáo đang điều trị bệnh viêm gan, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng. Hội đồng xét xử xét thấy chỉ cần xử phạt bị cáo mức án như cấp sơ thẩm và cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách là cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo thành người công dân tốt, thể hiện tính nhân đạo và khoan hồng của pháp luật và phù hợp với các quy định tại Điều 60 BLHS (việc bị cáo thực hiện phạm tội nhiều lần đã phải chịu trách nhiệm về tình tiết tăng nặng định khung hình phạt – bị cáo phạm tội trước khi BLHS năm 2015 có hiệu lực). Do vậy đơn kháng cáo của bị cáo được chấp nhận.

Án phí: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bị cáo Trần Quốc T. Sửa quyết định của bản án hình sự sơ thẩm số: 15/2020/ HS-ST ngày 03/3/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 267; điểm p khoản 1 khoản 2 Điều 46 Điều 60 BLHS năm 1999.

Xử phạt: Trần Quốc T 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 05 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (21/7/2020) về tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức".

Giao bị cáo cho Uỷ ban nhân dân xã xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk là nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách; Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì

được thực hiện theo quy định của pháp luật về Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản đã cho hưởng án treo.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, và không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng HSNV - Công an tỉnh Đắk Lắk;
- CQ CSTHAHS - Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Xuân Thành